

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2022/HS-ST**

Ngày 28/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Hải Đăng**

2/ Bà **Nguyễn Hải Anh**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 87/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Hoàng T; sinh năm 1980 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp ML B, xã MT, huyện MT, tỉnh ST; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn T1, sinh năm 1957 (chết) và bà Lê Thị M, sinh năm 1964; Vợ tên Lê Thị MT, sinh năm 1982 và có 01 người con sinh năm 2008; Tiền sự: Không.

Tiền án có 01 tiền án: Ngày 12/4/2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh TN xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đến ngày 27/7/2010 bị cáo chấp hành xong hình phạt. Đến thời điểm phạm tội là ngày 31/7/2011 bị cáo chưa xóa án tích.

Ngoài ra, ngày 09/11/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh ST xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2021.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh **Phạm Minh T**, sinh năm 1981 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp ĐN B, xã TĐ, huyện TH, tỉnh KG.

Người làm chứng: Anh **Đỗ Văn H**, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Trú tại: ấp TT, xã TH A, huyện TH, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Hoàng T cùng với ông Trần Anh K và Đỗ Văn H là người làm thuê trên ghe mua lúa của ông Phạm Minh T. Vào ngày 30 tháng 7 năm 2011, ông T một mình đi đến khu vực Ngã 6 thuộc ấp TL, xã GT, huyện CT, tỉnh KG để tìm mua lúa. Sau đó, ông T kêu T, K, H chạy ghe từ nhà của ông T tại huyện Tân Hiệp đến Ngã 6 xã GT để mua lúa, nhưng khi ghe đến nơi thì trời đã tối. Nên ông T cùng với T, K và H ngủ lại ghe. Đến khoảng 6 giờ ngày 31 tháng 7 năm 2011, ông T để số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) (loại tiền mệnh giá 100.000 đồng được chia thành 9 cọc, mỗi cọc 10.000.000 đồng) dùng để mua lúa ở trong cabin ghe rồi một mình đi ra coi lúa ở ruộng của người dân để mua. Còn T, H, K lên quán của bà DK cách chỗ đậu ghe khoảng 70m để uống cà phê. Uống cà phê được một lúc, T đi một mình xuống ghe để nấu cơm thì thấy tiền của ông T để trong cabin ghe nên T nảy xin ý định chiếm đoạt số tiền trên.

Để thực hiện ý định trên, T mở túi tiền ra thấy bên trong có khoảng 90.000.000 đồng. T lén lút lấy 4 cọc tiền với số tiền là 40.000.000 đồng, số tiền còn lại T để lại chỗ cũ. Sau đó, T đón xe honda ôm ra quốc lộ 80 rồi đi xe khách lên tỉnh ĐN bỏ trốn. Đến ngày hôm sau T điện thoại cho Lê Thị MT (là người sống chung như vợ chồng với T) nói T đã lấy trộm của ông T số tiền 40.000.000 đồng và đã xài hết 10.000.000 đồng chỉ còn lại hơn 20.000.000 đồng, T kêu MT qua gặp ông T để năn nỉ ông T không báo Công an, T sẽ trả số tiền còn lại cho ông T. Ngày hôm sau, MT đến gặp ông T năn nỉ nhưng ông T không đồng ý và đến Công an huyện TH trình báo sự việc. Còn T bỏ trốn đến ngày 01 tháng 7 năm 2021 bị Công an huyện TT, tỉnh ST bắt giữ.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng:* Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng về vật bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

* Về vật chứng thu giữ trong vụ án và hướng xử lý.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ vật chứng

* Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị hại Phạm Minh T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 40.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý khắc phục nhưng đến nay chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKS-CT ngày 24/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân CT, tỉnh KG đã truy tố bị cáo Lê Hoàng T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Hoàng T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Hoàng T** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt **01 (một) năm** tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 09-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh ST.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo T phải bồi thường cho bị hại ông Phạm Minh T số tiền là 40.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] - Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] - Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vì động cơ

vụ lợi, nên vào khoảng 6 giờ ngày 31 tháng 7 năm 2011, Lê Hoàng T là người làm công cho ông Phạm Minh T, trong lúc T nấu cơm trên ghe lúa của ông T, T đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 40.000.000 đồng của ông T để trong cabin ghe lúa đậu tại ngã 6 thuộc ấp TL, xã GT, huyện CT, tỉnh KG. Sau khi chiếm đoạt tài sản của ông T, T bỏ trốn lên tỉnh ĐT cho đến ngày 01 tháng 7 năm 2021 bị Công an huyện TT, tỉnh ST bắt giữ theo quyết định truy nã.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*.

Đối chiếu với quy định trên thì hành vi của các bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Trộm cắp tài sản”*. Do đó, cáo trạng đã truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] - Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trưởng thành nên nhận thức được việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là hành vi sai trái và khi trộm nếu bị phát hiện sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra, nhưng với bản tính tham lam, chạy lười lao động và muốn hưởng thụ tài sản của người khác mà có bị cáo vẫn cố ý lén lút lấy trộm tiền của anh T để tiêu xài cho bản thân. Mặc khác sau khi lấy trộm tiền bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương và tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* ở địa bàn khác. Hành vi phạm tội của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho nhân dân. Do đó, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] - Xét về tình tiết tăng nặng: Qua hồ sơ thể hiện vào ngày 2010 bị cáo đã 01 lần bị Tòa án nhân dân tỉnh TN xử phạt 09 tháng tù, về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* vẫn chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội mới nên trong lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng thêm 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] - Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án vừa của khung hình phạt cũng là phù hợp.

[6] - Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] - Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại ông Phạm Minh T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 40.000.000 đồng, ngoài ra ông T không yêu cầu gì thêm, bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên theo yêu cầu của ông T nên HĐXX ghi nhận.

[8] - Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[9] - Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lê Hoàng T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng T, 02 (hai) năm** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 01/7/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt **01 (một) năm** tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 09-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo **Lê Hoàng T** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **03 (ba) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 01/7/2021.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Lê Hoàng T phải trả lại cho ông T số tiền 40.000.000 đồng.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và (40.000.000 đồng x 5%) = 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đầu